

Số: 1965/QĐ-QLĐT

Hà Nội, ngày 19 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc cấp gia hạn chứng chỉ hành nghề hoạt động đấu thầu hết hiệu lực
và chuyển đổi sang chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu**

CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ ĐẤU THẦU

Căn cứ Thông tư số 02/2024/TT-BKHĐT ngày 06 tháng 3 năm 2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định hoạt động đào tạo, bồi dưỡng kiến thức và thi, cấp, thu hồi chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu;

Căn cứ Quyết định số 2815/QĐ-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố các Thông tư tiếp tục có hiệu lực thi hành kể từ ngày Luật số 90/2025/QH15 và Nghị định số 214/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu có hiệu lực thi hành;

Căn cứ Quyết định số 371/QĐ-BTC ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý đấu thầu;

Căn cứ Thông báo số 27/TB-HTĐT ngày 07 tháng 8 năm 2025 của Trung tâm Hỗ trợ đấu thầu về việc cấp gia hạn chứng chỉ hành nghề hoạt động đấu thầu hết hiệu lực và chuyển đổi sang chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu năm 2025;

Căn cứ Tờ trình số 45 /TTr-TTHT ngày 18 tháng 9 năm 2025 của Trung tâm Hỗ trợ đấu thầu về việc phê duyệt danh sách cấp gia hạn chứng chỉ hành nghề hoạt động đấu thầu hết hiệu lực và chuyển đổi sang chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu kỳ cấp gia hạn số 24;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Hỗ trợ đấu thầu.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp gia hạn chứng chỉ hành nghề hoạt động đấu thầu hết hiệu lực và chuyển đổi sang chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu cho các Ông/Bà có tên nêu tại Phụ lục I Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 23/9/2025.

Điều 3. Các Ông/ Bà có tên tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này, Chánh Văn phòng Cục, Giám đốc Trung tâm Hỗ trợ đấu thầu chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận:

- Các Ông/Bà có tên trong Phụ lục I (nhận chứng chỉ điện tử);
- Cục trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Cục;
- Trung tâm HTĐT (để đăng tải);
- Lưu: VT, TTHT ()

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Dương Huy Hoàng

PHỤ LỤC I
DANH SÁCH CẤP GIA HẠN CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG ĐẦU THẦU
HẾT HIỆU LỰC VÀ CHUYỂN ĐỔI SANG CHỨNG CHỈ NGHIỆP VỤ CHUYÊN MÔN
VỀ ĐẦU THẦU KỲ CẤP GIA HẠN SỐ 24

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1965 QĐ-QLĐT ngày 19 tháng 9 năm 2025 của
 Cục trưởng Cục Quản lý đấu thầu)

STT	Họ tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/ hộ chiếu	Số chứng chỉ
1	Lê Xuân Anh	27/08/1989	022089001658	NT01.13.3035
2	Trần Hải Anh	29/10/1990	014090000124	NT01.13.3036
3	Phạm Tùng Anh	11/02/1984	037084004152	NT01.13.3037
4	Nguyễn Đức Anh	20/05/1989	038089049925	NT01.13.3038
5	Vũ Tuấn Anh	14/12/1988	035088002573	NT01.13.3039
6	Đào Thị Ngọc Anh	25/10/1990	040190028420	NT01.13.3040
7	Nguyễn Tuấn Anh	08/12/1983	044083003688	NT01.13.3041
8	Vũ Nhật Anh	12/10/1979	037079005737	NT01.13.3042
9	Trịnh Thị Lan Anh	29/07/1981	001181001263	NT01.13.3043
10	Đỗ Xuân Bách	12/10/1988	168274339	NT01.13.3044
11	Nguyễn Y Bình	12/08/1990	024508945	NT01.13.3045
12	Vũ Thị Bình	19/01/1983	014183010604	NT01.13.3046
13	Nguyễn Thái Bình	12/04/1985	026028325	NT01.13.3047
14	Nguyễn Công Bình	01/01/1975	201255587	NT01.13.3048
15	Nguyễn Huy Bội	02/09/1995	036095019432	NT01.13.3049
16	Lương Văn Cảnh	23/10/1990	022090007072	NT01.13.3050
17	Trương Đoàn Minh Châu	01/08/1995	075195016788	NT01.13.3051
18	Nguyễn Văn Chiến	22/04/1981	172405593	NT01.13.3052
19	Nguyễn Hồng Chính	20/04/1984	038084004730	NT01.13.3053
20	Nguyễn Thành Chung	08/10/1982	037082014710	NT01.13.3054
21	Đổng Đức Chung	12/12/1994	017094009521	NT01.13.3055
22	Trần Văn Chung	04/04/1976	013549449	NT01.13.3056
23	Nguyễn Ngọc Chung	21/02/1992	001092005076	NT01.13.3057
24	Nguyễn Thanh Chung	09/06/1982	201469864	NT01.13.3058
25	Nguyễn Văn Chung	13/01/1986	031086015752	NT01.13.3059
26	Phạm Đức Chung	14/07/1984	035084001462	NT01.13.3060
27	Nguyễn Thị Chuyền	18/09/1992	037192012681	NT01.13.3061
28	Đinh Ngọc Chuyền	21/12/1972	014072000074	NT01.13.3062
29	Hoàng Văn Chuyền	05/12/1986	001086002768	NT01.13.3063
30	Lê Thị Cúc	08/11/1989	112396421	NT01.13.3064
31	Ngô Văn Cường	13/03/1981	031081002083	NT01.13.3065

STT	Họ tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/ hộ chiếu	Số chứng chỉ
32	Nguyễn Mạnh Cường	15/11/1976	182011256	NT01.13.3066
33	Nguyễn Văn Cường	05/04/1987	026087010565	NT01.13.3067
34	Lê Đình Cường	01/03/1990	038090005359	NT01.13.3068
35	Mai Văn Cường	14/04/1974	111897888	NT01.13.3069
36	Trần Cao Cường	23/08/1981	038081000731	NT01.13.3070
37	Hoàng Đức Cường	28/01/1985	034085000580	NT01.13.3071
38	Hà Mạnh Cường	08/03/1989	113399491	NT01.13.3072
39	Vũ Kiên Cường	06/01/1966	001066001374	NT01.13.3073
40	Dương Công Dân	18/12/1962	040062004493	NT01.13.3074
41	Văn Đức Diệp	11/02/1992	241298674	NT01.13.3075
42	Hoàng Xuân Diệu	06/05/1991	183863721	NT01.13.3076
43	Lê Viết Diệu	27/02/1995	045095002332	NT01.13.3077
44	Trần Tiến Doãn	22/01/1983	201762251	NT01.13.3078
45	Bùi Trọng Dục	25/12/1980	030080008486	NT01.13.3079
46	Trần Thanh Dũng	13/09/1981	079081029045	NT01.13.3080
47	Trần Phương Dung	23/10/1980	075180012319	NT01.13.3081
48	Nguyễn Văn Dũng	08/11/1982	230553018	NT01.13.3082
49	Phạm Hữu Dũng	11/07/1981	023690278	NT01.13.3083
50	Sầm Đỗ Dũng	28/03/1986	273176577	NT01.13.3084
51	Nguyễn Tiến Dũng	07/07/1983	B8468050	NT01.13.3085
52	Nguyễn Thị Dung	20/10/1990	027190008356	NT01.13.3086
53	Nguyễn Viết Dũng	09/09/1986	001086013980	NT01.13.3087
54	Nguyễn Thị Mỹ Dung	18/01/1985	036185000959	NT01.13.3088
55	Đinh Thị Kim Dung	25/04/1987	273537888	NT01.13.3089
56	Lê Anh Dũng	09/09/1983	038083000491	NT01.13.3090
57	Đổng Trọng Dũng	01/04/1989	173237732	NT01.13.3091
58	Nguyễn Thị Phương Dung	15/06/1988	001188034367	NT01.13.3092
59	Trần Tiến Dũng	07/09/1992	022092006766	NT01.13.3093
60	Lê Duy	04/12/1989	001089000441	NT01.13.3094
61	Bùi Lê Duy	08/10/1978	022078000022	NT01.13.3095
62	Lê Khánh Duy	27/05/1988	072088016396	NT01.13.3096
63	Nguyễn Tiến Dự	20/09/1992	036092003404	NT01.13.3097
64	Phạm Hoàng Dur	06/08/1974	211526414	NT01.13.3098
65	Nguyễn Bạch Dương	31/10/1984	014084002577	NT01.13.3099
66	Phạm Ánh Dương	25/01/1983	012404592	NT01.13.3100
67	Tổng Minh Dương	05/12/1987	036087017406	NT01.13.3101

STT	Họ tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/ hộ chiếu	Số chứng chỉ
68	Nguyễn Văn Dương	15/07/1982	182355414	NT01.13.3102
69	Ngô Mạnh Dương	05/06/1989	C7025589	NT01.13.3103
70	Quách Thái Dương	20/08/1991	038091014665	NT01.13.3104
71	Đinh Đại Dương	03/10/1982	025082000165	NT01.13.3105
72	Ngô Quang Đại	28/07/1997	079097001370	NT01.13.3106
73	Lê Tất Đạt	16/05/1989	038089001444	NT01.13.3107
74	Vũ Tiến Đạt	01/08/1992	031092021105	NT01.13.3108
75	Chu Tuấn Đạt	16/09/1968	001068011793	NT01.13.3109
76	Nguyễn Thành Đạt	28/02/1994	044094001971	NT01.13.3110
77	Nguyễn Thị Diệp	12/11/1979	034179021996	NT01.13.3111
78	Nguyễn Văn Diệp	16/03/1982	024082015585	NT01.13.3112
79	Trần Khắc Độ	23/10/1983	186178966	NT01.13.3113
80	Hoàng Xuân Đông	10/10/1978	182126179	NT01.13.3114
81	Nguyễn Anh Đông	01/06/1958	001058031658	NT01.13.3115
82	Đậu Mạnh Đức	13/10/1971	183689622	NT01.13.3116
83	Phan Việt Đức	29/04/1989	001089004180	NT01.13.3117
84	Nguyễn Anh Đức	27/08/1991	033091015949	NT01.13.3118
85	Nguyễn Anh Đức	10/11/1979	040079000276	NT01.13.3119
86	Trương Tiến Đức	05/10/1989	001089026658	NT01.13.3120
87	Đào Xuân Đức	07/11/1972	034072008768	NT01.13.3121
88	Nguyễn Ngọc Đức	20/10/1987	201798712	NT01.13.3122
89	Hồ Ngọc Đức	05/06/1988	212454627	NT01.13.3123
90	Dương Minh Đức	17/04/1990	019090006636	NT01.13.3124
91	Hoàng Văn Đức	01/04/1994	035094009881	NT01.13.3125
92	Phạm Công Đức	05/08/1987	042087000571	NT01.13.3126
93	Cao Hoài Đức	16/11/1985	272798130	NT01.13.3127
94	Tạ Minh Đức	14/09/1982	033082016326	NT01.13.3128
95	Phạm Minh Giám	18/04/1983	034083021706	NT01.13.3129
96	Phan Vũ Trường Giang	26/03/1984	037084004851	NT01.13.3130
97	Nguyễn Hoàng Giang	15/06/1973	001073010059	NT01.13.3131
98	Lê Văn Giang	29/01/1979	001079050104	NT01.13.3132
99	Lê Thu Giang	30/11/1989	031189004821	NT01.13.3133
100	Phạm Mạnh Hà	28/04/1984	024084002101	NT01.13.3134
101	Trịnh Thị Hà	02/09/1987	038187010282	NT01.13.3135
102	Lê Thị Hà	21/04/1970	038170002550	NT01.13.3136
103	Cao Thị Hà	01/02/1993	019193007152	NT01.13.3137

STT	Họ tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/ hộ chiếu	Số chứng chỉ
104	Lê Hà	30/11/1987	045087004960	NT01.13.3138
105	Hồ Mạnh Hà	01/11/1974	040074008653	NT01.13.3139
106	Nguyễn Mạnh Hà	13/09/1977	001077029861	NT01.13.3140
107	Trần Thị Thu Hà	05/10/1987	121708428	NT01.13.3141
108	Cao Mạnh Hà	21/06/1993	040093027590	NT01.13.3142
109	Bùi Thị Ngọc Hà	20/11/1986	036186004570	NT01.13.3143
110	Mai Thị Hà	19/04/1984	031184011486	NT01.13.3144
111	Tạ Vũ Hải	03/01/1979	025079016201	NT01.13.3145
112	Bùi Đình Hải	25/05/1994	125509549	NT01.13.3146
113	Phạm Nam Hải	09/12/1993	035093007205	NT01.13.3147
114	Nguyễn Văn Hải	25/05/1980	038080000346	NT01.13.3148
115	Hoàng Minh Hải	24/07/1982	035082010198	NT01.13.3149
116	Phạm Xuân Hải	04/01/1981	022081005434	NT01.13.3150
117	Lê Văn Hải	02/11/1986	038086016155	NT01.13.3151
118	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	08/09/1972	001172025396	NT01.13.3152
119	Trần Minh Hạnh	29/07/1987	056187010149	NT01.13.3153
120	Lê Thị Mỹ Hào	14/07/1978	037178004240	NT01.13.3154
121	Bùi Thị Như Hào	05/05/1997	C5836398	NT01.13.3155
122	Lâm Thị Hằng	21/03/1983	031183012828	NT01.13.3156
123	Nguyễn Thị Hằng	11/06/1996	033196001300	NT01.13.3157
124	Đặng Thị Minh Hằng	05/08/1987	031187003982	NT01.13.3158
125	Phan Thị Ngọc Hân	05/01/1989	060189005633	NT01.13.3159
126	Phạm Việt Hậu	22/01/1993	031093021563	NT01.13.3160
127	Trần Thị Hậu	14/05/1987	040187000882	NT01.13.3161
128	Hoàng Thị Mỹ Hậu	02/08/1995	054195009992	NT01.13.3162
129	Võ Công Hậu	14/10/1995	072095011971	NT01.13.3163
130	Trần Văn Hệ	10/02/1992	038092011232	NT01.13.3164
131	Nguyễn Minh Hiền	11/01/1993	089093016764	NT01.13.3165
132	Ngô Ngọc Hiền	03/03/1983	040083030054	NT01.13.3166
133	Nguyễn Thị Thu Hiền	01/12/1987	034187009691	NT01.13.3167
134	Đỗ Viết Hiền	15/07/1985	001085007993	NT01.13.3168
135	Lê Đình Hiền	29/09/1976	034076011476	NT01.13.3169
136	Lê Trọng Hiệp	18/11/1981	001081034025	NT01.13.3170
137	Trần Ngọc Hiếu	06/10/1981	370932105	NT01.13.3171
138	Nguyễn Thị Như Hiếu	20/11/1982	051182014540	NT01.13.3172
139	Phan Việt Hiếu	10/11/1989	056089009144	NT01.13.3173

STT	Họ tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/ hộ chiếu	Số chứng chỉ
140	Trần Thanh Hiếu	27/03/1969	320740877	NT01.13.3174
141	Nguyễn Xuân Hòa	16/10/1982	113658675	NT01.13.3175
142	Doãn Xuân Hoa	08/12/1978	034078006624	NT01.13.3176
143	Đoàn Lệ Hoa	10/10/1982	019182000631	NT01.13.3177
144	Lê Huy Hoài	13/09/1988	038088007654	NT01.13.3178
145	Lê Tô Hoài	25/09/1971	030071005712	NT01.13.3179
146	Trần Văn Hoan	11/06/1991	037091001434	NT01.13.3180
147	Trần Thị Hoàn	01/08/1992	025192000810	NT01.13.3181
148	Nguyễn Xuân Hoàn	28/01/1980	015080006784	NT01.13.3182
149	Chữ Mạnh Hoan	13/09/1979	001079033224	NT01.13.3183
150	Nguyễn Khắc Hoàng	09/04/1987	027087013583	NT01.13.3184
151	Trần Hải Hoàng	19/11/1987	090981359	NT01.13.3185
152	Phan Văn Hoàng	20/10/1988	042088007878	NT01.13.3186
153	Phạm Thị Hoạt	18/11/1973	030173003484	NT01.13.3187
154	Vi Văn Hoạt	18/12/1989	082065936	NT01.13.3188
155	Nguyễn Thái Học	28/07/1978	075078015487	NT01.13.3189
156	Cao Hồng	01/05/1981	040081031987	NT01.13.3190
157	Dương Thị Bích Hồng	09/09/1983	035183004916	NT01.13.3191
158	Lê Bá Huân	23/12/1981	038081003323	NT01.13.3192
159	Nguyễn Văn Huân	18/05/1985	042085009390	NT01.13.3193
160	Nguyễn Ngọc Huân	20/09/1990	037090006194	NT01.13.3194
161	Đinh Chí Huân	29/04/1977	079077001476	NT01.13.3195
162	Nguyễn Thị Kim Huệ	20/10/1991	040191041691	NT01.13.3196
163	Lê Văn Hùng	21/04/1979	048079006339	NT01.13.3197
164	Phan Việt Hùng	21/04/1987	064087009877	NT01.13.3198
165	Đào Duy Hùng	19/05/1985	030085002439	NT01.13.3199
166	Hà Duy Hùng	14/09/1990	B9509497	NT01.13.3200
167	Lê Chí Hùng	23/10/1991	026091013023	NT01.13.3201
168	Nguyễn Mạnh Hùng	23/03/1982	001082001624	NT01.13.3202
169	Nguyễn Phi Hùng	16/02/1989	113409079	NT01.13.3203
170	Đào Mạnh Hùng	09/01/1978	036078006115	NT01.13.3204
171	Tạ Việt Hùng	02/07/1986	022086000632	NT01.13.3205
172	Bùi Đức Hùng	18/03/1984	001084005297	NT01.13.3206
173	Nguyễn Sỹ Hùng	25/05/1991	042091001208	NT01.13.3207
174	Phạm Trọng Huy	25/01/1985	264279814	NT01.13.3208
175	Tôn Thất Anh Huy	22/09/1974	022696353	NT01.13.3209

STT	Họ tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/ hộ chiếu	Số chứng chỉ
176	Nguyễn Thúc Huy	10/08/1976	040076021657	NT01.13.3210
177	Trần Lê Huy	27/09/1993	075093009953	NT01.13.3211
178	Dương Minh Huy	28/07/1988	037088014666	NT01.13.3212
179	Vũ Thanh Huy	22/05/1974	271492149	NT01.13.3213
180	Nguyễn Khắc Huy	30/04/1981	038081009322	NT01.13.3214
181	Nguyễn Quang Huy	18/06/1991	013009999	NT01.13.3215
182	Mai Thị Thanh Huyền	01/06/1981	038181000074	NT01.13.3216
183	Phạm Thị Ánh Huyền	31/12/1989	034189010704	NT01.13.3217
184	Hoàng Văn Huynh	16/03/1988	264509980	NT01.13.3218
185	Nguyễn Hữu Huynh	25/07/1983	049083000631	NT01.13.3219
186	Nguyễn Minh Hưng	18/08/1980	038080015790	NT01.13.3220
187	Nguyễn Quang Hưng	13/01/1976	008076000111	NT01.13.3221
188	Triệu Việt Hưng	09/06/1987	001087006958	NT01.13.3222
189	Trần Thị Thu Hương	25/09/1980	022180004059	NT01.13.3223
190	Phạm Lan Hương	20/07/1986	040186000820	NT01.13.3224
191	Trương Thị Thu Hường	22/10/1988	031188006623	NT01.13.3225
192	Lê Quang Hường	21/03/1989	037089002931	NT01.13.3226
193	Nguyễn Chí Hường	02/10/1973	037073002034	NT01.13.3227
194	Nguyễn Thị Hương	18/02/1991	001191007468	NT01.13.3228
195	Nguyễn Văn Hương	05/09/1981	024181000046	NT01.13.3229
196	Trần Japan	04/06/1990	054090007144	NT01.13.3230
197	Nguyễn Minh Khải	10/01/1980	145036217	NT01.13.3231
198	Tô Nguyễn Mạnh Khải	17/03/1985	052085002678	NT01.13.3232
199	Phạm Hữu Khải	02/10/1986	038086007811	NT01.13.3233
200	Vương Gia Khánh	20/01/1985	125156249	NT01.13.3234
201	Phan Doãn Khánh	09/11/1969	040069000022	NT01.13.3235
202	Trần Đình Khiêm	29/03/1986	019086000224	NT01.13.3236
203	Trịnh Trọng Khoa	07/09/1992	038092021480	NT01.13.3237
204	Nguyễn Dương Hoàng Anh Khoa	21/10/1981	079081006422	NT01.13.3238
205	Lê Nhất Anh Khoa	04/03/1990	077090003514	NT01.13.3239
206	Nguyễn Duy Khổng	18/10/1986	151474720	NT01.13.3240
207	Hoàng Xuân Kiên	05/05/1990	040090004354	NT01.13.3241
208	Đào Trung Kiên	05/01/1992	019092000819	NT01.13.3242
209	Hoàng Đình Ký	22/07/1991	040091018637	NT01.13.3243
210	Lê Lai	21/07/1966	068066003718	NT01.13.3244
211	Hoàng Thị Lài	06/07/1990	040190028076	NT01.13.3245

STT	Họ tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/ hộ chiếu	Số chứng chỉ
212	Võ Thị Lài	21/05/1989	051189009091	NT01.13.3246
213	Nguyễn Tấn Lai	24/10/1977	025408963	NT01.13.3247
214	Ngô Văn Lãm	27/09/1989	033089011899	NT01.13.3248
215	Phạm Hoàng Lan	23/03/1984	001184035523	NT01.13.3249
216	Hà Thị Hương Lan	19/03/1976	272036324	NT01.13.3250
217	Bùi Văn Lãm	17/08/1992	084092004305	NT01.13.3251
218	Trần Thế Lâm	16/02/1981	037081000080	NT01.13.3252
219	Nguyễn Trọng Lập	14/07/1981	001081020032	NT01.13.3253
220	Võ Khắc Trần Lê	13/03/1992	044092004977	NT01.13.3254
221	Đặng Quỳnh Liên	23/04/1982	001182004141	NT01.13.3255
222	Đặng Bá Liên	20/12/1978	051078001111	NT01.13.3256
223	Nguyễn Thị Kim Liên	03/11/1984	001184044730	NT01.13.3257
224	Nguyễn Thị Thùy Linh	04/12/1994	019194004829	NT01.13.3258
225	Ngô Ngọc Lĩnh	27/02/1981	264194922	NT01.13.3259
226	Đinh Thị Linh	20/11/1994	042194011840	NT01.13.3260
227	Hồ Vũ Linh	12/12/1991	077091000229	NT01.13.3261
228	Nguyễn Thị Thùy Linh	04/11/1989	334584931	NT01.13.3262
229	Phạm Linh	08/02/1991	042091016411	NT01.13.3263
230	Trương Đình Lĩnh	04/08/1980	001080006706	NT01.13.3264
231	Nguyễn Thành Long	28/02/1981	264194854	NT01.13.3265
232	Hoàng Văn Long	08/05/1973	164555052	NT01.13.3266
233	Đặng Hoàng Thiên Long	28/09/1977	351232385	NT01.13.3267
234	Hoàng Văn Long	22/04/1992	038092014892	NT01.13.3268
235	Trần Kim Long	09/09/1984	079084029309	NT01.13.3269
236	Trần Hoàng Long	28/02/1988	034088009305	NT01.13.3270
237	Phạm Vĩnh Long	11/12/1987	001087026376	NT01.13.3271
238	Phạm Hải Long	25/05/1984	015084002677	NT01.13.3272
239	Nguyễn Văn Long	03/10/1975	001075014372	NT01.13.3273
240	Nguyễn Thị Long	19/12/1989	040189040793	NT01.13.3274
241	Nguyễn Hoàng Long	02/05/1996	285543902	NT01.13.3275
242	Huỳnh Văn Lót	02/02/1985	334240033	NT01.13.3276
243	Cao Hữu Lộc	18/04/1972	040072004807	NT01.13.3277
244	Nguyễn Văn Lợi	02/12/1983	030083014964	NT01.13.3278
245	Trần Thị Bích Lợi	24/07/1979	040179020489	NT01.13.3279
246	Đỗ Lê Minh Luật	07/06/1988	077088009366	NT01.13.3280
247	Bùi Văn Lực	07/01/1967	044067001239	NT01.13.3281

STT	Họ tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/ hộ chiếu	Số chứng chỉ
248	Nguyễn Thanh Lưu	29/04/1991	186834918	NT01.13.3282
249	Nguyễn Thị Xuân Mai	20/02/1992	312113953	NT01.13.3283
250	Lê Thị Mai	07/05/1987	040187011141	NT01.13.3284
251	Nguyễn Việt Mạnh	03/03/1985	002085000003	NT01.13.3285
252	Nguyễn Tiến Mạnh	20/01/1977	001077035926	NT01.13.3286
253	Ngô Văn Mạnh	22/10/1994	184147194	NT01.13.3287
254	Nguyễn Đức Mạnh	26/01/1985	186051775	NT01.13.3288
255	Trần Ngọc Miên	06/04/1979	034079000166	NT01.13.3289
256	Lưu Văn Minh	03/08/1968	001068014616	NT01.13.3290
257	Nguyễn Xuân Minh	01/01/1985	077085000307	NT01.13.3291
258	Nguyễn Quốc Minh	26/01/1981	051081002153	NT01.13.3292
259	Đào Thị Hồng Minh	21/09/1981	031181010226	NT01.13.3293
260	Trịnh Duy Minh	22/09/1972	001072021383	NT01.13.3294
261	Hoàng Văn Minh	26/11/1975	034075002798	NT01.13.3295
262	Nguyễn Thị Mơ	26/11/1986	042186000842	NT01.13.3296
263	Lý Trà My	08/07/1990	001190008116	NT01.13.3297
264	Nguyễn Thị Thúy Na	31/10/1984	001184036285	NT01.13.3298
265	Lê Văn Nam	16/09/1984	001084011786	NT01.13.3299
266	Phạm Hải Nam	09/12/1993	035093009297	NT01.13.3300
267	Phạm Thị Nga	28/08/1980	022180001473	NT01.13.3301
268	Nguyễn Thị Ngà	06/08/1983	001183044478	NT01.13.3302
269	Trần Thị Nga	13/03/1994	040194003530	NT01.13.3303
270	Trần Bích Ngà	09/09/1977	013297914	NT01.13.3304
271	Phan Thị Thảo Ngân	02/08/1994	025194007636	NT01.13.3305
272	Dương Văn Nghị	22/03/1978	058078000088	NT01.13.3306
273	Hoàng Trọng Nghĩa	07/05/1985	017085004018	NT01.13.3307
274	Hồ Trung Nghĩa	02/11/1981	072081008463	NT01.13.3308
275	Bùi Hữu Nghĩa	03/08/1981	113776005	NT01.13.3309
276	Nguyễn Trọng Nghĩa	05/10/1977	001077024115	NT01.13.3310
277	Đặng Quang Ngọc	06/09/1977	051077006039	NT01.13.3311
278	Trương Thị Bích Ngọc	14/04/1982	033182003281	NT01.13.3312
279	Bùi Văn Ngọc	31/01/1970	001070014810	NT01.13.3313
280	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	10/01/1974	001174033054	NT01.13.3314
281	Nguyễn Đức Ngọc	14/09/1981	033081000704	NT01.13.3315
282	Nguyễn Chung Ngọc	03/09/1992	044092000527	NT01.13.3316
283	Phạm Kim Nguyễn	17/12/1986	271655113	NT01.13.3317

STT	Họ tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/ hộ chiếu	Số chứng chỉ
284	Nguyễn Thành Nguyên	15/10/1982	048082002733	NT01.13.3318
285	Đoàn Thu Nguyệt	14/09/1972	019172000308	NT01.13.3319
286	Nguyễn Đức Nhân	03/05/1986	030086005052	NT01.13.3320
287	Nguyễn Đình Cử Nhân	01/10/1992	040092030655	NT01.13.3321
288	Đỗ Văn Nhân	03/04/1983	037083001259	NT01.13.3322
289	Võ Đại Nhân	14/12/1986	191571153	NT01.13.3323
290	Nguyễn Thành Nhân	24/04/1991	079091014286	NT01.13.3324
291	Nguyễn Hạ Quỳnh Như	06/11/1993	066193015857	NT01.13.3325
292	Vũ Thị Nhường	07/08/1983	001183018386	NT01.13.3326
293	Đỗ Thị Hải Ninh	09/09/1992	022192011184	NT01.13.3327
294	Đoàn Thanh Phong	12/06/1989	077089003519	NT01.13.3328
295	Nguyễn Hoàng Phúc	09/06/1994	077094003112	NT01.13.3329
296	Phạm Minh Phúc	10/11/1987	030087009297	NT01.13.3330
297	Trần Đăng Phước	12/06/1974	052074000077	NT01.13.3331
298	Lê Bá Phước	25/05/1971	272183044	NT01.13.3332
299	Tổng Thị Hoài Phương	01/10/1978	011958288	NT01.13.3333
300	Kiều Hồng Phương	04/04/1971	037071000238	NT01.13.3334
301	Trần Anh Phương	13/09/1983	022083003840	NT01.13.3335
302	Nguyễn Thị Phụng	21/07/1978	068178000238	NT01.13.3336
303	Trần Thị Lan Phương	07/10/1985	273152009	NT01.13.3337
304	Vũ Thị Phương	25/02/1990	001190047185	NT01.13.3338
305	Tô Thị Phương	04/07/1983	015183004810	NT01.13.3339
306	Phạm Khắc Phương	06/01/1977	038077000062	NT01.13.3340
307	Đặng Xuân Phương	03/08/1977	033077004466	NT01.13.3341
308	Nguyễn Thanh Phương	16/10/1994	064094013493	NT01.13.3342
309	Đỗ Minh Phương	25/09/1988	001188005547	NT01.13.3343
310	Đoàn Thị Ngọc Phương	05/08/1982	001182003811	NT01.13.3344
311	Đinh Huệ Phương	02/01/1990	030190023353	NT01.13.3345
312	Nguyễn Thị Phương	18/12/1978	031178013125	NT01.13.3346
313	Nguyễn Xuân Phương	28/12/1973	013221367	NT01.13.3347
314	Trần Anh Quang	04/01/1968	056068003860	NT01.13.3348
315	Quách Văn Quang	16/06/1978	025078013213	NT01.13.3349
316	Đào Xuân Quân	01/11/1993	001093007486	NT01.13.3350
317	Trương Ngọc Quân	20/09/1986	001086035253	NT01.13.3351
318	Phan Hải Quân	26/04/1980	187698996	NT01.13.3352
319	Lê Quân	14/05/1989	044089000742	NT01.13.3353

STT	Họ tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/ hộ chiếu	Số chứng chỉ
320	Hoàng Việt Quốc	18/12/1991	197274646	NT01.13.3354
321	Lê Bá Quý	01/10/1973	025908732	NT01.13.3355
322	Phạm Ngọc Quý	25/08/1983	022083002086	NT01.13.3356
323	Nguyễn Thị Thanh Quý	29/07/1991	024191006366	NT01.13.3357
324	Nguyễn Ngọc Quỳnh	28/11/1972	281062281	NT01.13.3358
325	Nguyễn Thị Diệu Quỳnh	15/09/1983	001183021672	NT01.13.3359
326	Nguyễn Giang Quỳnh	29/04/1982	092182008383	NT01.13.3360
327	Lưu Văn Quỳnh	29/12/1980	027080010823	NT01.13.3361
328	Phạm Thị Sâm	03/01/1994	024194001517	NT01.13.3362
329	Trịnh Xuân Sinh	25/12/1968	026068000015	NT01.13.3363
330	Nguyễn Thị Sinh	12/04/1987	092019044	NT01.13.3364
331	Nguyễn Thái Sơn	26/10/1987	151653392	NT01.13.3365
332	Trương Nguyễn Duy Sơn	09/01/1989	201868795	NT01.13.3366
333	Đinh Trường Sơn	15/03/1993	164485990	NT01.13.3367
334	Nguyễn Mạnh Sơn	25/12/1979	011972513	NT01.13.3368
335	Kiều Sơn	15/10/1995	001095021225	NT01.13.3369
336	Khuất Thanh Sơn	03/08/1994	001094015732	NT01.13.3370
337	Hoàng Ngọc Sơn	30/10/1992	014092000315	NT01.13.3371
338	Trần Hoàng Sơn	16/03/1983	201466408	NT01.13.3372
339	Trần Minh Sơn	22/10/1995	022095002501	NT01.13.3373
340	Văn Đăng Sử	23/04/1987	035087012123	NT01.13.3374
341	Hà Tiến Sỹ	12/09/1983	022083006495	NT01.13.3375
342	Hoàng Sỹ	12/03/1974	194496724	NT01.13.3376
343	Phạm Chí Sỹ	27/07/1972	111715540	NT01.13.3377
344	Nguyễn Hữu Tài	30/12/1994	042094011323	NT01.13.3378
345	Phạm Minh Tâm	07/11/1977	241303171	NT01.13.3379
346	Vũ Thị Tâm	04/07/1995	031195011663	NT01.13.3380
347	Nguyễn Thị Hồng Tâm	22/09/1995	077195003374	NT01.13.3381
348	Nguyễn Tri Tâm	27/09/1983	048083004806	NT01.13.3382
349	Đoàn Ngọc Tâm	11/08/1987	036087014703	NT01.13.3383
350	Trương Công Minh Tân	09/07/1984	084084000149	NT01.13.3384
351	Huỳnh Quốc Thái	04/02/1993	087093000227	NT01.13.3385
352	Phan Minh Thái	22/10/1973	044073008332	NT01.13.3386
353	Cao Văn Thái	26/09/1971	181781778	NT01.13.3387
354	Nguyễn Văn Thái	28/08/1991	001091014552	NT01.13.3388
355	Tạ Đức Thành	15/05/1977	001077027796	NT01.13.3389

STT	Họ tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/ hộ chiếu	Số chứng chỉ
356	Lê Thái Thanh	13/05/1981	074181012988	NT01.13.3390
357	Nguyễn Văn Thanh	10/05/1976	040076000506	NT01.13.3391
358	Nguyễn Văn Thanh	23/01/1981	022081007497	NT01.13.3392
359	Nguyễn Đình Thành	19/07/1991	187011882	NT01.13.3393
360	Mai Duy Thanh	19/04/1983	082083012046	NT01.13.3394
361	Bùi Hải Thành	10/03/1970	079070021778	NT01.13.3395
362	Nguyễn Đức Thanh	28/09/1983	040083002444	NT01.13.3396
363	Huỳnh Đăng Đan Thanh	27/10/1985	089185007671	NT01.13.3397
364	Phạm Hùng Thành	08/09/1986	045086006323	NT01.13.3398
365	Trần Ngọc Thành	09/10/1995	312299082	NT01.13.3399
366	Nguyễn Hữu Thanh	22/05/1976	025076004035	NT01.13.3400
367	Đào Duy Thanh	24/04/1990	050710457	NT01.13.3401
368	Trần Hữu Thành	07/08/1973	077073004057	NT01.13.3402
369	Trần Phương Thảo	29/07/1981	077181001280	NT01.13.3403
370	Nguyễn Bích Thảo	24/03/1983	001083054672	NT01.13.3404
371	Phan Thị Minh Thảo	18/06/1981	049181004223	NT01.13.3405
372	Lê Hồng Thao	10/03/1985	035085006191	NT01.13.3406
373	Nguyễn Thị Minh Thảo	16/01/1987	044187001931	NT01.13.3407
374	Nguyễn Thị Thảo	23/11/1994	031194002009	NT01.13.3408
375	Nguyễn Thị Hồng Thắm	17/07/1990	027190006111	NT01.13.3409
376	Phan Văn Thắng	06/04/1973	070073000461	NT01.13.3410
377	Nguyễn Văn Thắng	01/04/1984	045084008911	NT01.13.3411
378	Lê Anh Thắng	10/03/1987	044087007824	NT01.13.3412
379	Nguyễn Toàn Thắng	18/12/1974	001074005562	NT01.13.3413
380	Nguyễn Bá Thắng	05/12/1984	014084007892	NT01.13.3414
381	Lê Quốc Thắng	08/06/1986	212630876	NT01.13.3415
382	Nguyễn Hữu Thắng	28/04/1993	040093040352	NT01.13.3416
383	Tô Văn Thắng	06/11/1982	026082002369	NT01.13.3417
384	Vũ Văn Thế	20/12/1986	036086024386	NT01.13.3418
385	Trương Vũ Thế	04/08/1983	044083000890	NT01.13.3419
386	Phạm Thị Thêm	20/12/1988	285118943	NT01.13.3420
387	Nguyễn Đức Thiện	28/06/1976	022958142	NT01.13.3421
388	Lang Dy Thiên	13/10/1982	040082028502	NT01.13.3422
389	An Trần Thiên	01/09/1985	004085000004	NT01.13.3423
390	Nguyễn Trường Thịnh	04/02/1992	049092013210	NT01.13.3424
391	Bùi Văn Thịnh	16/09/1994	017345667	NT01.13.3425

STT	Họ tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/ hộ chiếu	Số chứng chỉ
392	Đỗ Đức Thịnh	31/12/1993	001093014409	NT01.13.3426
393	Lê Đức Thọ	17/09/1984	037084000839	NT01.13.3427
394	Quảng Văn Thọ	02/01/1988	014088015238	NT01.13.3428
395	Hồ Ngọc Thông	22/10/1977	056077010106	NT01.13.3429
396	Phan Thế Thông	16/07/1985	026085005605	NT01.13.3430
397	Nguyễn Bá Thời	28/10/1995	027095009653	NT01.13.3431
398	Trần Thị Hoài Thu	15/09/1979	001179035752	NT01.13.3432
399	Vũ Thị Ngọc Thu	04/09/1982	031131017	NT01.13.3433
400	Vũ Thị Thu	20/11/1978	035178001450	NT01.13.3434
401	Trần Thị Thu	04/11/1986	201525736	NT01.13.3435
402	Nguyễn Hoài Thu	14/01/1994	145624994	NT01.13.3436
403	Nguyễn Văn Thuật	16/09/1985	197123573	NT01.13.3437
404	Nguyễn Thị Thuỷ	10/04/1985	111892476	NT01.13.3438
405	Nguyễn Xuân Thủy	02/01/1969	052069018362	NT01.13.3439
406	Nguyễn Thị Thuý	07/09/1985	031185008391	NT01.13.3440
407	Lưu Thị Thu Thủy	25/05/1982	079182032321	NT01.13.3441
408	Nguyễn Thị Minh Thúy	10/08/1979	001179047766	NT01.13.3442
409	Nguyễn Thị Thu Thủy	20/05/1978	013165930	NT01.13.3443
410	Dương Thị Hồng Thủy	16/08/1983	019183000013	NT01.13.3444
411	Đoàn Thu Thuỷ	17/02/1975	019175000432	NT01.13.3445
412	Hoàng Minh Thúy	05/04/1987	001187010383	NT01.13.3446
413	Lê Thị Anh Thư	01/11/1988	051188004338	NT01.13.3447
414	Trần Thị Anh Thư	26/12/1984	049184007737	NT01.13.3448
415	Lê Huy Thư	10/12/1978	049078000262	NT01.13.3449
416	Hoàng Thương	26/12/1983	038183000091	NT01.13.3450
417	Lê Văn Thưởng	08/04/1993	125455337	NT01.13.3451
418	Nguyễn Vũ Thương Thương	21/11/1992	058192000015	NT01.13.3452
419	Chu Đức Tiến	08/07/1986	024086008384	NT01.13.3453
420	Lê Thanh Tiến	05/10/1977	013101832	NT01.13.3454
421	Trần Tiền	01/05/1978	049078016473	NT01.13.3455
422	Lại Thành Tiến	02/11/1986	034086002040	NT01.13.3456
423	Nguyễn Đình Tiến	20/08/1986	034086023107	NT01.13.3457
424	Hoàng Xuân Tiến	02/05/1985	035085005973	NT01.13.3458
425	Phùng Anh Tín	10/09/1974	048074002975	NT01.13.3459
426	Nguyễn Huy Tín	08/07/1984	051084012120	NT01.13.3460
427	Trần Văn Tính	11/11/1982	042082000295	NT01.13.3461

STT	Họ tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/ hộ chiếu	Số chứng chỉ
428	Lâm Đức Toàn	26/10/1995	079095022275	NT01.13.3462
429	Lê Quang Toàn	17/08/1989	173567278	NT01.13.3463
430	Nguyễn Tiến Toàn	02/08/1978	001078017480	NT01.13.3464
431	Trần Thị Thu Trang	07/08/1986	072186005461	NT01.13.3465
432	Lê Thị Trang	20/12/1992	042192002857	NT01.13.3466
433	Nguyễn Văn Trang	06/06/1993	038093027653	NT01.13.3467
434	Phạm Thu Trang	20/11/1983	012408357	NT01.13.3468
435	Phùng Xuân Tráng	13/09/1981	033081017984	NT01.13.3469
436	Nguyễn Thu Trâm	31/08/1992	025155019	NT01.13.3470
437	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	15/07/1993	084193007147	NT01.13.3471
438	Nguyễn Văn Trí	15/07/1990	049090029628	NT01.13.3472
439	Nguyễn Nhất Trí	04/06/1979	049079022154	NT01.13.3473
440	Nguyễn Minh Triết	01/07/1977	086077012424	NT01.13.3474
441	Nguyễn Thị Triều	27/02/1974	320810764	NT01.13.3475
442	Vũ Ngọc Triu	26/11/1986	034086007522	NT01.13.3476
443	Đỗ Đức Trọng	07/11/1980	033080003310	NT01.13.3477
444	Nguyễn Ngọc Trung	03/05/1980	001080023308	NT01.13.3478
445	Huỳnh Phạm Ngọc Trung	12/06/1978	048078005883	NT01.13.3479
446	Đỗ Đức Trung	19/09/1993	031093003008	NT01.13.3480
447	Nguyễn Đắc Trung	28/09/1971	001071000028	NT01.13.3481
448	Nguyễn Trung	19/08/1986	048086006451	NT01.13.3482
449	Nguyễn Quốc Trung	12/09/1993	087093007051	NT01.13.3483
450	Đặng Đình Trường	28/10/1984	164184864	NT01.13.3484
451	Đinh Mạnh Trường	29/05/1990	037090000858	NT01.13.3485
452	Nguyễn Phạm Quang Trường	06/05/1974	025438961	NT01.13.3486
453	Phạm Đình Trường	07/07/1986	212770028	NT01.13.3487
454	Trần Đình Trường	17/07/1983	273103863	NT01.13.3488
455	Nguyễn Minh Trường	01/01/1983	023515617	NT01.13.3489
456	Nguyễn Phi Trường	19/08/1985	090916781	NT01.13.3490
457	Đinh Hữu Trường	20/11/1984	014084007947	NT01.13.3491
458	Nguyễn Trọng Trường	30/12/1988	027088007472	NT01.13.3492
459	Nguyễn Thọ Trường	06/04/1979	038079015866	NT01.13.3493
460	Nguyễn Hồng Trường	04/06/1978	023067174	NT01.13.3494
461	Dương Minh Tú	01/06/1985	001085002725	NT01.13.3495
462	Bùi Anh Tuấn	10/12/1982	042082000780	NT01.13.3496
463	Đào Vũ Mạnh Tuấn	04/07/1983	033083000734	NT01.13.3497

STT	Họ tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/ hộ chiếu	Số chứng chỉ
464	Nguyễn Sỹ Tuấn	02/12/1994	038094009611	NT01.13.3498
465	Nguyễn Thế Tuấn	28/09/1971	038071011766	NT01.13.3499
466	Phan Huy Anh Tuấn	10/12/1992	040092003058	NT01.13.3500
467	Đặng Văn Tuấn	16/10/1979	030079020949	NT01.13.3501
468	Đồng Anh Tuấn	07/03/1984	038084009637	NT01.13.3502
469	Phạm Anh Tuấn	28/11/1977	031077004319	NT01.13.3503
470	Nguyễn Anh Tuấn	19/10/1982	040082016597	NT01.13.3504
471	Phạm Anh Tuấn	07/03/1982	033082003868	NT01.13.3505
472	Lê Anh Tuấn	19/05/1988	031088006749	NT01.13.3506
473	Tô Bá Tuấn	01/06/1984	040084034941	NT01.13.3507
474	Đinh Công Tùng	08/02/1984	025084011274	NT01.13.3508
475	Vũ Thanh Tùng	27/08/1986	031086013776	NT01.13.3509
476	Tiêu Thanh Tùng	12/12/1989	022089005248	NT01.13.3510
477	Trịnh Xuân Tùng	11/09/1987	001087048673	NT01.13.3511
478	Lê Phạm Công Tuyển	15/02/1993	056093011851	NT01.13.3512
479	Lê Thanh Tuyển	11/08/1982	022082011366	NT01.13.3513
480	Châu Văn Tuyển	09/10/1988	008088003246	NT01.13.3514
481	Nguyễn Duy Tuyển	14/03/1979	034079005235	NT01.13.3515
482	Kiều Xuân Tuyển	13/05/1974	030074000765	NT01.13.3516
483	Phạm Thị Ánh Tuyết	12/09/1984	164172955	NT01.13.3517
484	Trần Gia Tự	04/07/1989	036089000047	NT01.13.3518
485	Nguyễn Mạnh Tường	02/09/1973	034073005431	NT01.13.3519
486	Đoàn Mạnh Tường	05/06/1982	034082005991	NT01.13.3520
487	Nguyễn Thị Kim Uyên	02/12/1978	086178005088	NT01.13.3521
488	Lê Thị Thu Uyên	20/08/1996	070196002144	NT01.13.3522
489	Thuận Thiên Văn	25/05/1977	264035199	NT01.13.3523
490	Huỳnh Đức Văn	15/05/1976	079076002195	NT01.13.3524
491	Trịnh Thế Văn	15/09/1981	038081021652	NT01.13.3525
492	Trần Trọng Văn	20/07/1986	013609555	NT01.13.3526
493	Bùi Thị Vân	24/12/1982	001182036791	NT01.13.3527
494	Nguyễn Thị Kim Vân	18/08/1979	082179017110	NT01.13.3528
495	Nguyễn Thị Tường Vi	24/12/1994	074194000843	NT01.13.3529
496	Đặng Thị Thảo Vi	28/11/1997	068197003451	NT01.13.3530
497	Nguyễn Duyên Việt	26/12/1996	017096001142	NT01.13.3531
498	Nguyễn Hữu Vinh	14/10/1981	049081012597	NT01.13.3532
499	Nguyễn Tiến Vinh	18/11/1991	034091009303	NT01.13.3533

STT	Họ tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/ hộ chiếu	Số chứng chỉ
500	Nguyễn Minh Vũ	03/01/1981	082081000490	NT01.13.3534
501	Diệp Năng Vũ	28/05/1972	058072002649	NT01.13.3535
502	Đàm Thị Xuân	15/05/1979	037179005249	NT01.13.3536
503	Võ Thị Xuân	20/10/1990	066190023084	NT01.13.3537
504	Nguyễn Thị Hồng Xuyên	05/02/1993	075193000408	NT01.13.3538
505	Nguyễn Thị Hải Yến	13/03/1979	040179000989	NT01.13.3539
506	Nguyễn Như Yến	05/10/1993	037193006736	NT01.13.3540